

Số: 31/2019/QĐST-HNGĐ

Nam Từ Liêm, ngày 01 tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ
THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Căn cứ Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí của Quốc hội số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 36/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 01 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Đỗ Đức T, sinh năm 1977; Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1975; Cùng địa chỉ: TDP số 2, Mễ Trì Hạ, phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Đức T và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/1/1996 tại Ủy ban nhân dân xã Mễ Trì, nay là phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ và không duy trì được quan hệ vợ chồng, dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Trung tâm hòa giải, đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ, nhưng cả anh Tiến, chị Liên vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Anh Đỗ Đức T; Chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là Đỗ Đức Tới, sinh ngày 26/10/1996; Đỗ Thanh Phương, sinh ngày 24/8/1999 và Đỗ Đức Tùng, sinh ngày 2/2/2003. Hai con Đỗ Đức Tới và Đỗ Thanh Phương đã trưởng thành, ở với ai là quyền của hai con. Khi ly hôn anh chị thỏa thuận giao con Đỗ Đức Tùng cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị Liên không yêu cầu anh Tiến phải cấp dưỡng tiền nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh Tiến, chị Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về vay nợ chung: Anh Tiến, chị Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị Nguyễn Thị L tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Xét thấy, anh Đỗ Đức T và chị Nguyễn Thị L đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ các mối quan hệ về hôn nhân và gia đình. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 24/01/2019 là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Đỗ Đức T và chị Nguyễn Thị L;

- Về con chung: Anh Đỗ Đức T và chị Nguyễn Thị L có 03 con chung là Đỗ Đức Tới, sinh ngày 26/10/1996; Đỗ Thanh Phương, sinh ngày 24/8/1999 và Đỗ Đức Tùng, sinh ngày 2/2/2003. Hai con Đỗ Đức Tới và Đỗ Thanh Phương đã trưởng thành, ở với ai là quyền của hai con. Giao con Đỗ Đức Tùng cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng tiền nuôi con của anh Đỗ Đức T cho đến khi chị Liên có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi khác.

Anh Đỗ Đức T có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung và về nợ chung: Anh Tiến, chị Liên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Đỗ Đức T và chị Nguyễn Thị L mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của chị Liên chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng chị đã nộp theo Biên lai số AK/2010/0008263 ngày 23/01/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Chị Liên, anh Tiến đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- *Đương sự;*
- *VKSND Q.Nam Từ Liêm;*
- *Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;*
- *UBND phường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (GCNKH số 27 ngày 07/5/2010);*
- *Lưu HS, VP.*

Chu Thành Công